

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 019015605.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Nước tại bể chứa  
Nhà máy nước Long Mỹ  
Ấp: ấp 3 , xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 019015605.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.16	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.20	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.62	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	11.9	TCU	-	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 020015606.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Nước cuối nguồn  
Nhà máy nước Long Mỹ  
Ấp: ấp 3 , xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 020015606.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.39	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.18	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.55	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	10.5	TCU	-	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Công Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 021015607.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Hộ dân - Trần Thanh Chiền  
Nhà máy nước Long Mỹ  
Ấp: ấp 3 , xã: Thị trấn Vĩnh Viễn, huyện: Long Mỹ**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 021015607.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GPPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.18	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.89	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.54	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	11.5	TCU	-	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1. (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2. (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.

4. LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

5. Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

NGUYỄN THỊ CẨM TUYẾN

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876  
Mã KQ/ RP. No: 022015608.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/07/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : 08/07/2023 - 13/07/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : Nước tại bể chứa  
Trạm Hòa An - Hiệp Hưng  
Áp: ấp 1, xã: Hòa An, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
- Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép lừng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 022015608.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.19	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.19	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.56	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1. (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2. (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.

4. LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

5. Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876  
Mã KQ/ RP. No: 023015609.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/07/2023
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 08/07/2023 - 13/07/2023
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : Nước cuối nguồn  
Trạm Hòa An - Hiệp Hưng  
Ấp: ấp 1, xã: Hòa An, huyện: Phụng Hiệp
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 023015609.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.17	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.06	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.58	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15-001-C.T.N.H.H
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

- 1.(\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- 2.(\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- 3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- 4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- 5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 024015610.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Áp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Hộ dân - Phạm Thị Lùn  
Trạm Hòa An - Hiệp Hưng  
Áp: áp 1, xã: Hòa An, huyện: Phụng Hiệp**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



*Handwritten signature*

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876  
Mã KQ/ RP. No: 024015610.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.33	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.73	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.55	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1. (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
2. (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
3. LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
4. LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
5. Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 025015611.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Nước tại bể chứa  
Trạm Phương Bình  
Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 025015611.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.24	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.63	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.44	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 026015612.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Nước cuối nguồn  
Trạm Phương Bình  
Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
- Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-nef.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 026015612.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.43	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.48	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.59	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUYỀN TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 027015613.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Hộ dân - Trần Văn Lăng  
Trạm Phương Bình  
Ấp: Phương Quới, xã: Phương Bình, huyện: Phụng Hiệp**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã QK/ RP. No: 027015613.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.15	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.81	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.58	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**



**HUYỀN TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 028015614.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 08/07/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 08/07/2023 - 13/07/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c)** : Nước tại bể chứa  
Trạm Phương Phú  
Ấp: Phương Bình, xã: Phương Phú, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa
- Bảng kết quả/ Results Table** :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876  
Mã KQ/ RP. No: 028015614.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.12	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	0.654	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.43	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỖNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 029015615.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 08/07/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 08/07/2023 - 13/07/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c)** : Nước cuối nguồn  
Trạm Phương Phú  
Ấp: Phương Bình, xã: Phương Phú, huyện: Phụng Hiệp
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa
- Bảng kết quả/ Results Table** :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 029015615.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.11	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	0.462	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.61	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	2.49	TCU	-	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 030015616.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Hộ dân - Lê Khắc Bền  
Trạm Phương Phú  
Ấp: Phương Bình, xã: Phương Phú, huyện: Phụng Hiệp**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 030015616.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.27	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	0.476	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.55	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
7	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1. (\*): Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2. (\*\*): Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.



Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 031015617.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Nước tại bể chứa  
Trạm Thạnh Xuân  
Ấp: Trầu Hôi, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876  
Mã KQ/ RP. No: 031015617.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.65	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.20	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.63	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.001	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
7	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
8	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

- (\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.
- (\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.
- LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.
- LS, LH, LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.
- Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG  
QUALITY MANAGER



NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN

GIÁM ĐỐC  
DIRECTOR



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

- (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
- Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876  
Mã KQ/ RP. No: 032015618.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Áp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Nước cuối nguồn  
Trạm Thạnh Xuân  
Áp: Trà Hôi, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A**
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.
2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.
3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 032015618.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.73	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.62	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.60	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.001	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
7	LS Độ màu (*) / Color (*)	1.94	TCU	-	SMEWW 2120 C:2017	15
8	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 033015619.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 08/07/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 08/07/2023 - 13/07/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c)** : Hộ dân - Phan Thanh Hải  
Trạm Thạnh Xuân  
Ấp: Trầu Hói, xã: Thạnh Xuân, huyện: Châu Thành A
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa
- Bảng kết quả/ Results Table** :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 033015619.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	7.53	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	1.73	NTU	-	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.55	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	Không phát hiện/ Not Detected	mg/L	0.0003	TS-KT-QP-28:2021	0.01
7	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
8	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

TS-TTCL-7.8/BM-04

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 034015620.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c) : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG**
- Địa chỉ/ Client's Address (c) : **Áp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang**
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : **08/07/2023**
- Thời gian phân tích/ Date of Testing : **08/07/2023 - 13/07/2023**
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : **Nước tại bể chứa  
Trạm Vị Thắng  
Áp: 7, xã: Vị Thắng, huyện: Vị Thủy**
- Mô tả mẫu/ Sample Description : **Mẫu chứa trong can nhựa**
- Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



*[Handwritten signature]*

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 034015620.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	8.33	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.59	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.002	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
7	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
8	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**



**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**HUỲNH TẤN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04



Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 035015621.00

1. Tên khách hàng/ Client's Name (c) : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
2. Địa chỉ/ Client's Address (c) : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
3. Ngày nhận mẫu/ Date of receiving : 08/07/2023
4. Thời gian phân tích/ Date of Testing : 08/07/2023 - 13/07/2023
5. Thông tin mẫu/ Information of sample (c) : Nước cuối nguồn  
Trạm Vị Thắng  
Ấp: 7, xã: Vị Thắng, huyện: Vị Thủy
6. Mô tả mẫu/ Sample Description : Mẫu chứa trong can nhựa
7. Bảng kết quả/ Results Table :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 035015621.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	8.36	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.58	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.002	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
7	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
8	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*): Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYỀN**

**GIÁM ĐỐC**  
**DIRECTOR**



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 1/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 036015622.00

- Tên khách hàng/ Client's Name (c)** : CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VÀ VSMT NÔNG THÔN HẬU GIANG
- Địa chỉ/ Client's Address (c)** : Ấp 2, TT Nàng Mau, Huyện Vị Thủy, Tỉnh Hậu Giang
- Ngày nhận mẫu/ Date of receiving** : 08/07/2023
- Thời gian phân tích/ Date of Testing** : 08/07/2023 - 13/07/2023
- Thông tin mẫu/ Information of sample (c)** : Hộ dân - Phạm Văn Sờ  
Trạm Vị Thắng  
Ấp: 7, xã: Vị Thắng, huyện: Vị Thủy
- Mô tả mẫu/ Sample Description** : Mẫu chứa trong can nhựa
- Bảng kết quả/ Results Table** :

**TSL**  
QUALITY BUILDS TRUST ✓



**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép lừng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04

Trang/ Page No: 2/2

Ngày ban hành/ Date of issue: 13/07/2023

**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Mã số/ Ref. No: 1X276G0876

Mã KQ/ RP. No: 036015622.00

STT/ No.	Chỉ Tiêu Thử Nghiệm/ Testing Analysis(s)	Kết Quả/ Result (s)	Đơn Vị/ Unit	GHPH/ LOD	Phương Pháp Thử/ Test Method	QCVN 01- 1:2018/ BYT
1	LS Coliforms (*) / Coliforms (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<3
2	LS Escherichia coli (*) / Escherichia coli (*)	Không phát hiện/ Not Detected	CFU/100mL	1	ISO 9308-1:2014	<1
3	LS pH (*) / pH value (*)	8.39	-	-	TCVN 6492:2011 (ISO 10523 : 2008)	6.0 – 8.5
4	LS Độ đục (*) / Turbidity (*)	Không phát hiện/ Not Detected	NTU	0.33	SMEWW 2130 B:2017	2
5	LS Clo dư tự do (tính theo Cl <sub>2</sub> ) / Free chlorine (as Cl <sub>2</sub> )	0.38	mg/L	-	TCVN 6225-2:2021 (ISO 7393-2:2017)	0.2 - 1.0
6	LS Asen (As) (*) / Arsenic (As) (*)	0.002	mg/L	-	TS-KT-QP-28:2021	0.01
7	LS Độ màu (*) / Color (*)	Không phát hiện/ Not Detected	TCU	1.67	SMEWW 2120 C:2017	15
8	LS Mùi, vị / Odor, taste	Không có mùi, vị lạ	-	-	TS-KT-QP-73:2023 (Ref. SMEWW 2150:2022, SMEWW 2160:2022, TCVN 2653:1978)	Không có mùi, vị lạ

**Chú thích/ Remarks:**

Mẫu có các chỉ tiêu kiểm nghiệm phù hợp theo QCVN 01-1:2018/BYT

1.(\*) : Chỉ tiêu thuộc phạm vi công nhận ISO/IEC 17025:2017/ (\*) : Items are currently within the ISO/IEC 17025:2017 accreditation scope.

2.(\*\*) : Chỉ tiêu gửi nhà thầu phụ./ (\*\*): Items are tested by subcontractor.

3.LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp./ Limit of detection.

4.LS,LH,LC: Ký hiệu mã chi nhánh/ Branch code: LS – CN HCM, LH – CN Hà Nội, LC – CN Cà Mau.

5.Mẫu do khách hàng cung cấp/ The sample is provided by the customer.

**PHỤ TRÁCH CHẤT LƯỢNG**  
**QUALITY MANAGER**

**NGUYỄN THỊ CẨM TUYÊN**



**HUỶNH TÂN CƯỜNG**

**TSL SCIENCE CO.,LTD**

**HCM Laboratory:** 592A Cong Hoa Street, Ward 13, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam.

**Ca Mau Laboratory:** No 11, 3/2 Street, Ward 5, Ca Mau City, Vietnam.

**Ha Noi Laboratory:** No 17, adjacent to Shophouse D1 in area D, Le Trong Tan New Urban Area, Duong Noi Ward, Ha Dong District, Hanoi City, Vietnam.

Telephone: (+84) 28.7302.4687

Website: <http://tsl-net.com.vn>

1. (c): Thông tin được cung cấp bởi Khách hàng/ Information is provided by the customer.

2. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử nhận được từ khách hàng/ Testing results in the test report are valid only for the sample(s) as received.

3. Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý của TSL/ This test report shall not be reproduced except in full, without the written approval of TSL.

TS-TTCL-7.8/BM-04